

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý III/2011	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24,205,962,227	26,937,808,695
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,024,279,540	3,047,589,062
1. Tiền	111		1,024,279,540	3,047,589,062
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13,676,749,643	16,527,315,002
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	11,470,690,478	13,966,793,438
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1,759,364,160	2,328,600,397
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	446,695,005	231,921,167
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4,596,584,674	4,804,726,512
1. Hàng tồn kho	141	V.5	4,596,584,674	4,804,726,512
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,908,348,370	2,558,178,119
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	425,170,348	111,790,663
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,568,109,559	1,948,440,566
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	2,145,191	2,348,423
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	912,923,272	495,598,467

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối quý III/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38,081,910,125	36,834,980,300
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36,384,450,365	35,408,807,136
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33,455,378,688	33,760,950,894
<i>Nguyên giá</i>	222		43,622,352,062	41,293,151,977
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10,166,973,374)	(7,532,201,083)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	942,265,314	969,717,480
<i>Nguyên giá</i>	228		1,193,455,778	1,165,023,958
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(251,190,464)	(195,306,478)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1,986,806,363	678,138,762
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,697,459,760	1,426,173,164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1,697,459,760	1,426,173,164
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>62,287,872,352</u>	<u>63,772,788,995</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý III/2011	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		25,046,368,444	25,210,852,008
I. Nợ ngắn hạn	310		20,341,190,731	20,075,524,295
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	3,818,469,516	7,037,980,626
2. Phải trả người bán	312	V.14	9,335,612,842	8,797,072,801
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	4,133,266,040	1,143,874,068
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	257,480,758	180,464,107
5. Phải trả người lao động	315		622,924,343	626,926,193
6. Chi phí phải trả	316	V.17	146,762,286	245,812,041
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2,026,060,428	1,942,644,459
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	614,518	100,750,000
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4,705,177,713	5,135,327,713
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	4,705,177,713	5,135,327,713
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37,241,503,908	38,561,936,987
I. Vốn chủ sở hữu	410		37,241,503,908	38,561,936,987
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	28,500,000,000	28,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.22	-	(406,136,673)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	1,643,968,157	1,116,048,255
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	794,101,924	343,930,165
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	6,303,433,827	9,008,095,240
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		62,287,872,352	63,772,788,995

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	<u>Số cuối quý III/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		420.02	56,767.66
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 17 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Luu Thị Thu

Nguyễn Văn Chương

Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

9 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng	Năm trước
			đầu năm 2011	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	64,885,755,080	63,038,571,831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3,412,104,577	1,231,952,226
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		61,473,650,503	61,806,619,605
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	33,234,904,012	32,958,610,425
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28,238,746,491	28,848,009,180
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	540,035,138	668,706,154
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2,214,892,074	1,360,792,456
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,152,908,576	1,158,474,227
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	16,264,972,427	14,876,179,008
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	3,974,247,855	4,167,584,102
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,324,669,273	9,112,159,768
11. Thu nhập khác	31	VI.8	10,143	19,985,738
12. Chi phí khác	32	VI.9	21,245,589	80,710,608
13. Lợi nhuận khác	40		(21,235,446)	(60,724,870)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,303,433,827	9,051,434,898
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	47,999,719
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6,303,433,827</u>	<u>9,003,435,179</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>2,212</u>	<u>3,159</u>

Lập ngày 17 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lưu Thị Thu

Nguyễn Văn Chương

Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp trực tiếp)****9 tháng đầu năm 2011**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		72,023,836,565
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		46,868,259,702
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		5,111,790,179
4. Tiền chi trả lãi vay	04		1,190,972,186
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		792,672,203
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		9,158,351,318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	20		10,487,135,383
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		2,540,971,800
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		21,000,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21,000,000,000
5. Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		186,636,541
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,354,335,259)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		14,338,113,889
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		17,582,710,208
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		6,911,150,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30		(10,155,746,319)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2,022,946,195)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	3,047,589,062
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(363,327)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>1,024,279,540</u>

Lập ngày 17 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

Lưu Thị Thu

Nguyễn Văn Chương

Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** :
 - Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
 - Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ ba của Công ty.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 6
Tài sản cố định hữu hình khác	6

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính để có quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ được khấu hao trong 20 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng được khấu hao trong 4 năm.

Trang Website giới thiệu Công ty ([http:// www.amcvina.vn](http://www.amcvina.vn))

Trang Website là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành, đưa vào sử dụng. Trang Website Công ty được khấu hao trong 4 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối Quý III/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	625.198.317	161.342.546
Tiền gửi ngân hàng	399.081.223	2.886.246.516
Cộng	<u>1.024.279.540</u>	<u>3.047.589.062</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối Quý III/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty 4 Oranges Co.Ltd	1.459.458.000	-
Công ty TNHH phát triển quốc tế Tân Đạt Dương	716.537.750	774.475.750
Công ty TNHH Thuận Lợi	697.651.902	1.205.554.502
Công ty TNHH SX - TM Hiệp Chấn Thành	578.144.402	770.882.282
Công ty TNHH TM-DV Phát Gia Nguyễn	552.560.930	592.560.930
DNTN TM-SX-DV Tân Hải Nam	540.189.862	540.189.862
Công ty Cổ phần vật tư phụ gia Hóa Chất	472.180.320	786.530.320
Công ty CP Sông Đà - Trường Sơn	429.168.850	-
Công ty TNHH Hoá Dược Hoàng An	390.536.227	420.536.227
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	349.773.919	333.665.390
Nhà máy SX bao bì, bạt nhựa Tú Phương	349.520.115	456.604.990
Công ty TNHH Một thành viên TM-DV-SX Tùng Sơn	336.621.511	245.936.511
Công ty Cổ phần L.Q JoTon	256.749.999	983.866.000
Công ty Cổ phần Nam Việt Úc	229.130.069	515.090.069
Công ty Cổ phần Hóa chất Minh Khang	215.833.000	18.200.000
Công ty Cổ phần Alphanam	212.110.000	159.951.000
Công ty TNHH Nhựa Quang Minh	161.339.072	170.659.072
Công ty TNHH Sơn Nero	136.270.001	500.600.001
XN DV Vận tải - Thương mại Đường sắt Phía Nam	124.701.637	-
Công ty TNHH Sơn Ti Sơn	111.000.000	-
Công ty TNHH Kim Đại Phát	104.000.000	622.000.000
Công ty TNHH Dương Việt	66.140.000	80.560.000
Công ty TNHH TM & SX Hà Bình	65.269.286	105.269.286
Công ty Cổ phần dịch vụ giao nhận vận tải Quốc tế	60.486.240	315.036.240
Công ty TNHH Sản xuất & TM Nam Phương	57.960.000	-
CN Công ty CP Nam Việt Úc tại Đà Nẵng	52.670.000	175.950.000
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	49.050.000	-
Công ty TNHH Đá tấm xây dựng cao cấp Anh Sơn	2.460.625	1.458.428.125
	-	594.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối Quý</u> <u>III/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Asian Granito India Ltd	-	341.457.552
Các đối tượng khác	2.693.176.761	1.798.789.329
Cộng	11.470.690.478	13.966.793.438
3. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối Quý</u> <u>III/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần tư vấn Tài nguyên và Môi trường	1.660.000.000	1.660.000.000
Công ty TNHH TM - SX Châu Phú	-	127.600.000
Công ty Văn Long	-	177.248.500
Đối tượng khác	99.364.160	363.751.897
Cộng	1.759.364.160	2.328.600.397
4. Các khoản phải thu khác		
Là các khoản ứng chi phí liên quan đến khai thác đá tại mỏ cho một số cá nhân ngoài Công ty		
	<u>Số cuối Quý</u> <u>III/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế	70.336.500	70.336.500
Đội khai thác mỏ đá Châu Quang	260.055.344	66.771.065
Phải thu khác	116.303.161	94.813.602
Cộng	446.695.005	231.921.167
5. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối Quý</u> <u>II/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.213.494.725	3.221.198.200
Công cụ, dụng cụ	271.741.155	145.061.768
Thành phẩm	1.949.628.269	1.421.100.048
Hàng hóa	148.733.203	4.379.174
Hàng gửi đi bán	12.987.322	12.987.322
Cộng	4.596.584.674	4.804.726.512
6. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối Quý</u> <u>III/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	4.268.750	1.707.500
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	281.135.111	-
Công cụ dụng cụ	139.766.487	110.083.163
Cộng	425.170.348	111.790.663
7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Là thuế giá trị gia tăng đang đề nghị được hoàn.		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối Quý III/2011	Số đầu năm
Tạm ứng	910.673.272	493.348.467
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.250.000	2.250.000
Cộng	912.923.272	495.598.467

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	12.021.194.360	27.247.992.381	1.821.092.305	100.625.996	102.246.935	41.293.151.977
Tăng do mua sắm mới	-	922.521.820	-	16.671.818	-	939.193.638
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	899.450.000	490.556.447	-	-	-	1.390.006.447
Số cuối Quý III năm 2011	12.920.644.360	28.661.070.648	1.821.092.305	117.297.814	102.246.935	43.622.352.062
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.534.396.108	5.375.399.966	549.203.802	49.710.792	23.490.415	7.532.201.083
Tăng do khấu hao trong 9 tháng đầu năm 2011	572.253.894	1.829.996.001	192.522.366	19.754.008	20.246.022	2.634.772.291
Số cuối Quý III năm 2011	2.106.650.002	7.205.395.967	741.726.168	69.464.800	43.736.437	10.166.973.374
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.486.798.252	21.872.592.415	1.271.888.503	50.915.204	78.756.520	33.760.950.894
Số cuối Quý III năm 2011	10.813.994.358	21.455.674.681	1.079.366.137	47.833.014	58.510.498	33.455.378.688

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến 30/09/2011 là: 61.760.732 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền khai thác mỏ</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)</u>	<u>Trang Website Công ty</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.102.562.919	13.500.000	48.961.039	-	1.165.023.958
Tăng trong kỳ	-	-	-	28.431.820	28.431.820
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối Quý III/11	1.102.562.919	13.500.000	48.961.039	28.431.820	1.193.455.778
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	165.384.432	9.562.500	20.359.546	-	195.306.478
Khấu hao trong kỳ	41.346.108	2.531.250	7.191.558	4.815.070	55.883.986
Số cuối Quý III/11	206.730.540	12.093.750	27.551.104	4.815.070	251.190.464
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	937.178.487	3.937.500	28.601.493	-	969.717.480
Số cuối Quý III/11	895.832.379	1.406.250	21.409.935	23.616.750	942.265.314

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển tăng TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối QIII/2011</u>
+ <i>Mua sắm TSCĐ</i>		-	-	-
+ <i>XDCB dở dang</i>	678.138.762	1.799.224.048	490.556.447	1.986.806.363
Dây chuyền sàng lọc xường 3	4.502.399	486.054.048	490.556.447	-
Đường lên mỏ đá Châu Hồng	673.636.363	1.313.170.000	-	1.986.806.363
+ <i>Sửa chữa TSCĐ</i>	-	-	-	-
Cộng	678.138.762	1.799.224.048	490.556.447	1.986.806.363

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong 9 tháng đầu năm 2011</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD 9 tháng đầu năm 2011</u>	<u>Số cuối QIII/2011</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	469.710.531	328.891.858	222.165.512	576.436.877
Chi phí sửa chữa	134.913.670	-	88.288.286	46.625.384
Chi phí thăm dò, khảo sát và xin cấp phép khai thác mỏ đá Châu Hồng	401.050.198	-	-	401.050.198
Chi phí thăm dò, khảo sát và mở rộng mỏ đá Châu Quang	415.027.422	156.364.331	-	571.391.753
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.471.343	131.085.700	34.601.495	101.955.548
Cộng	1.426.173.164	616.341.889	345.055.293	1.697.459.760

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối Quý III/2011	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.040.216.524	1.077.503.231
<i>Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh^(a)</i>	<i>3.040.216.524</i>	<i>1.077.503.231</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	778.252.992	5.960.477.395
<i>Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh</i>	<i>136.300.000</i>	<i>545.200.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Xuân An</i>	<i>641.952.992</i>	<i>5.415.277.395</i>
(xem thuyết minh số V.20)		
Cộng	3.818.469.516	7.037.980.626

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh để thanh toán cho các đối tác phục vụ cho hoạt động xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 02 hệ thống máy móc thiết bị và phương tiện truyền dẫn cùng 01 máy xúc lật Komatsu.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Nợ dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	1.077.503.231	5.960.477.395	7.037.980.626
Số tiền vay phát sinh	13.998.113.889	-	13.998.113.889
Số tiền vay đã trả	12.035.400.596	4.777.159.612	16.812.560.208
Giảm do hoàn nhập CLTG cuối năm trước	-	405.064.791	405.064.791
Số cuối Quý III/2011	3.040.216.524	778.252.992	3.818.469.516

14. Phải trả người bán

	Số cuối Quý III/2011	Số đầu năm
Doanh nghiệp tư nhân Khâm Tiến	1.354.126.551	1.185.178.760
Công ty TNHH Trang Anh	1.018.463.029	901.790.029
Công ty Cổ phần Nhật Việt	800.700.000	1.088.975.000
Công ty Cổ phần Trung Đức	790.068.135	228.011.206
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	713.178.901	355.316.959
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	562.007.523	645.316.109
Anh Nguyễn Đăng Tuyên	463.796.500	187.965.600
Công ty Cổ phần TM Khoáng sản Miền Trung	323.125.000	-
Công ty Cổ phần An Sơn	276.111.835	124.577.914
Công ty TNHH Đá Phú Quý	272.372.050	272.372.050
Doanh nghiệp tư nhân Long Anh	259.085.300	794.236.850
Công ty CP Dịch vụ TM & Vận tải An Huy	256.550.000	105.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Trung	219.633.000	110.016.000
Công ty TNHH Quỳnh Trang	205.329.860	-
Công ty CP TM Vận tải Nguyễn Kim	202.800.000	-
Công ty TNHH Phú An	107.148.800	-
Công ty Cổ phần Phương Nam	87.064.000	346.817.900

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối Quý III/2011	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nam Trung Nghệ An	83.476.400	-
DNTN Hải Hà	68.420.100	218.420.100
Công ty Cổ phần Đồng Tiên	-	312.480.400
Công ty TNHH Hoàng Danh	-	403.040.000
Công ty Cổ phần Nhân Phú	-	235.335.000
Các đối tượng khác	1.272.155.858	1.282.222.924
Cộng	9.335.612.842	8.797.072.801

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối Quý III/2011	Số đầu năm
Classic Marble Impex PVT.Ltd	3.966.733.172	332.445.920
Anh Sơn	83.735.000	-
Công ty Vận tải Biển Hải Minh	10.000.000	-
Công ty UNISILK LIMITED - Hồng Kông	7.294.467	707.741.772
Các đối tượng khác	65.503.401	103.686.376
Cộng	4.133.266.040	1.143.874.068

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong 9 tháng đầu năm 2011	Số đã nộp trong 9 tháng đầu năm 2011	Số cuối Quý III/11
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế xuất, nhập khẩu	135.727.294	3.369.386.395	3.247.632.931	257.480.758
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	(2.348.423)	260.341.602	260.138.370	(2.145.191)
Thuế tài nguyên	28.763.613	11.005.482	39.769.095	-
Phí môi trường	15.973.200	2.360.380	18.333.580	-
Cộng	178.115.684	3.646.093.859	3.568.873.976	255.335.567

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (Xem thuyết minh số V.10)

Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp trong kỳ như sau:

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.303.433.827	9.051.434.898
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	834.267.602	419.756.792
- Các khoản điều chỉnh tăng	834.267.602	419.756.792
Thù lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	131.970.000	105.120.000
Lãi phạt chậm trả	2.941.691	2.311.849
Các khoản thuế bị truy thu	-	58.936.281
Các khoản phạt vi phạm hành chính	21.221.173	17.530.000
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	678.134.738	235.858.662
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	7.137.701.429	9.471.191.690
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	713.770.143	947.119.169
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(713.770.143)	(947.119.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	47.999.719
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	47.999.719

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối Quý III/2011	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	135.601.225	133.150.937
Chi phí xuất khẩu hàng hóa	11.161.061	112.661.104
Cộng	146.762.286	245.812.041

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối Quý III/2011	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	33.554.349	56.035.059
BHXH, BHYT, BHTN	165.279.214	73.736.809
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4	1.765.710.809	1.765.710.809
Phải trả khác	61.516.056	47.161.782
Cộng	2.026.060.428	1.942.644.459

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm
Số dư đầu năm	100.750.000
Tăng do phân phối lợi nhuận trong kỳ	900.343.518
Chi quỹ trong 9 tháng đầu năm 2011	1.000.479.000
Số dư cuối Quý III năm 2011	614.518

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối Quý III/2011	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh ^(a)	2.496.217.466	2.926.367.466
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Xuân An ^(b)	2.208.960.247	2.208.960.247
Cộng	4.705.177.713	5.135.327.713

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh để đầu tư 01 dây chuyền nghiền và phân loại đá cùng 01 hệ thống xử lý bụi (giai đoạn 3). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là Máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn hiện tại và tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Xuân An để đầu tư mở rộng sản xuất bột đá trắng giai đoạn 2. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối Quý III/2011	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	778.252.992	5.960.477.395
Trên 1 năm đến 5 năm	4.705.177.713	5.135.327.713
Tổng nợ	5.483.430.705	11.095.805.108

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong 9 tháng đầu năm 2011	Số tiền vay đã trả trong 9 tháng đầu năm 2011	Số cuối Quý III/2011
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh	2.926.367.466	340.000.000	770.150.000	2.496.217.466
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Xuân An	2.208.960.247	-	-	2.208.960.247
Cộng	5.135.327.713	340.000.000	770.150.000	4.705.177.713

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	28.500.000.000	(216.729.958)	662.892.156	80.079.844	5.296.136.881	34.322.378.923
Lợi nhuận trong năm trước		-	-	-	9.003.435.179	9.003.435.179
Trích lập các quỹ trong năm trước		-	453.156.099	263.850.321	(1.002.006.420)	(285.000.000)
Chia cổ tức năm 2009		-	-	-	(4.275.000.000)	(4.275.000.000)
Thanh toán phần còn lại cổ tức năm 2008		-	-	-	(14.470.400)	(14.470.400)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm trước		216.729.958	-	-	-	216.729.958
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm		(406.136.673)	-	-	-	(406.136.673)
Số dư cuối năm trước	28.500.000.000	(406.136.673)	1.116.048.255	343.930.165	9.008.095.240	38.561.936.987
Số dư đầu năm nay	28.500.000.000	(406.136.673)	1.116.048.255	343.930.240	9.008.095.240	38.561.936.987
Lợi nhuận trong 9 tháng đầu năm 2011		-	-	-	6.303.433.827	6.303.433.827
Trích lập các quỹ trong kỳ		-	527.919.902	450.171.759	(1.878.435.179)	(900.343.518)
Chia cổ tức năm 2010		-	-	-	(6.911.150.000)	(6.911.150.000)
Kết chuyển lợi nhuận năm 2008 chưa phân phối		-	-	-	(4.760.061)	(4.760.061)
Khấu trừ thuế TNCN từ đầu tư vốn năm 2010		-	-	-	(213.750.000)	(213.750.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm trước		406.136.673	-	-	-	406.136.673
Số dư cuối quý II năm 2011	28.500.000.000	0	1.643.968.157	794.101.924	6.303.433.827	37.241.503.908

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối Quý III/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	11.400.000.000	11.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.100.000.000	17.100.000.000
Cộng	<u>28.500.000.000</u>	<u>28.500.000.000</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Cổ tức năm trước	<u>6.911.150.000</u>
Cộng	<u>6.911.150.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối Quý III/2011</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>9 tháng đầu năm 2011</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	64.885.755.080	63.038.571.831
Các khoản giảm trừ doanh thu:	3.412.104.577	1.231.952.226
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	42.718.182	51.503.864
<i>Thuế xuất khẩu</i>	3.369.386.395	1.180.448.362
Doanh thu thuần	<u>61.473.650.503</u>	<u>61.806.619.605</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>9 tháng đầu năm 2011</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	33.234.904.012	32.958.610.425

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.879.596	37.163.173
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	159.756.945	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	353.398.597	631.542.981
Cộng	540.035.138	668.706.154

4. Chi phí tài chính

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.152.908.576	1.188.603.719
Chi phí tài chính khác	2.941.691	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.059.041.807	172.188.737
Cộng	2.214.892.074	1.360.792.456

5. Chi phí bán hàng

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	444.255.444	409.728.943
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	116.224.668	5.543.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	21.957.622	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.409.098.215	14.349.765.641
Chi phí bằng tiền khác	273.436.478	111.141.242
Cộng	16.264.972.427	14.876.179.008

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.784.894.160	1.813.108.852
Chi phí vật liệu quản lý	29.651.995	18.408.259
Chi phí đồ dùng văn phòng	120.976.619	149.829.573
Chi phí khấu hao TSCĐ	348.579.410	445.723.357
Thuế, phí và lệ phí	20.467.000	23.195.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.140.636.214	1.055.079.099
Chi phí bằng tiền khác	529.042.457	662.239.507
Cộng	3.974.247.855	4.167.584.102

7. Thu nhập khác

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	-	19.542.937
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	10.143	442.801
Cộng	10.143	19.985.738

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Các khoản nộp phạt vi phạm hành chính	21.221.173	17.530.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	58.936.281
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	24.416	4.244.327
Cộng	21.245.589	80.710.608

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.303.433.827	9.003.435.179
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.303.433.827	9.003.435.179
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong 9 tháng đầu năm 2011	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.212	3.159

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong 9 tháng đầu năm 2011 được tính như sau:

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.850.000	2.850.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong 9 tháng đầu năm 2011	2.850.000	2.850.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Tiền lương	340.821.746	429.826.008
Phụ cấp	283.445.000	197.100.000
Cộng	624.266.746	626.926.008

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan

Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế

Mối quan hệ

Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chính với Công ty Hợp tác kinh tế trong kỳ như sau:

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Chi trả cổ tức cho Công ty Hợp tác kinh tế	2.850.000.000	1.710.000.000
Chi trả mua đá học trắng	138.600.000	-
Thuế GTGT của hợp đồng chuyển nhượng mỏ đá, nhà máy nghiền đá siêu mịn, vật tư, CCDC, hàng hóa khi bàn giao nhà máy	1.765.452.425	1.765.452.425

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011, công nợ phải trả Tổng Công ty Hợp tác kinh tế là: 1.765.710.809 VND.

2. Chi phí lãi vay

Chi tiết phân bổ chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ như sau:

	9 tháng đầu năm 2011	Năm trước
Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	1.152.908.576	1.188.603.719
Chi phí lãi vay được vốn hóa	14.673.810	81.976.536
Tổng chi phí lãi vay	1.167.582.386	1.270.580.255

Tỷ lệ vốn hóa	1,26%	6,45%
---------------	-------	-------

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội

Lập ngày 17 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lưu Thị Thu

Nguyễn Văn Chương

Hoàng Trọng Diên